

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
CẢNG
CÁT LÁI

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L=""
Đường Nguyễn Thị Định,
Phường Cát Lái, TP Hồ Chí
Minh, Việt Nam", O=CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG
CÁT LÁI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:0305168938,
E=hauvt@saigonnewport.com.v
n
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.10.29 11:02:01



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Đường Nguyễn Thị Định – P. Cát Lái – TP. HCM

Mã số thuế : 0305168938

Tel : 028.6266.5678

Fax : 028.6265.5678

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2026

TP. Hồ Chí Minh, 10/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		456.316.975.706	415.209.621.555
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		81.386.615.288	209.837.771.364
1. Tiền	111	V.01	55.439.195.288	54.690.351.364
2. Các khoản tương đương tiền			25.947.420.000	155.147.420.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	112.161.796.470	110.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		112.161.796.470	110.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251.199.767.312	87.843.608.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	234.868.655.486	77.762.698.658
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	13.127.855.416	4.194.169.298
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	11.375.986.303	12.038.391.482
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8.172.729.893)	(6.151.650.856)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9.717.065.442	3.943.447.455
1. Hàng tồn kho	141		9.717.065.442	3.943.447.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.851.731.194	2.984.794.154
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.06	1.142.204.949	1.182.457.046
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	515.788.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		709.526.245	1.286.548.373
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.07	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		332.260.439.189	309.018.809.232
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	100.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	100.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		194.362.548.145	194.156.338.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	122.152.425.284	120.757.729.592
- Nguyên giá	222		626.964.564.820	628.589.003.484
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(504.812.139.536)	(507.831.273.892)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	72.210.122.861	73.398.608.924
- Nguyên giá	228		101.601.504.441	101.601.504.441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29.391.381.580)	(28.202.895.517)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		25.572.690.186	10.047.527.048
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		25.572.690.186	10.047.527.048
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		92.879.017.951	87.004.811.140
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	262		92.257.727.557	86.383.520.746
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.11	2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	264		(1.637.309.606)	(1.637.309.606)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		19.446.182.907	17.710.132.528
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.12	19.446.182.907	17.710.132.528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		788.577.414.895	724.228.430.787
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		175.089.597.653	95.291.712.488
I. Nợ ngắn hạn	310		160.785.147.653	82.330.212.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	67.762.649.985	54.199.215.159
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		54.111.412.156	5.875.205.085
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	18.891.212.582	7.158.918.918
5. Phải trả người lao động	315	V.15	5.690.542.616	6.218.434.727
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	6.202.262.725	1.973.113.686
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	1.898.126.219	1.083.342.876
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		3.178.150.000	3.019.400.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	3.050.791.370	2.802.582.037
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.304.450.000	12.961.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19	3.000.000.000	2.250.000.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20	11.304.450.000	10.711.500.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		613.487.817.242	628.936.718.299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		104.813.111.502	103.623.271.921
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85.941.520.349	103.285.753.644
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		11.404.624.610	9.341.984.923
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		74.536.895.739	93.943.768.721
11. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	423		22.609.737.391	21.904.244.734
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		788.577.414.895	724.228.430.787

Tp. HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thái Hậu

Nguyễn Viết Trường

Lê Chí Đăng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2026 đến 30/09/2026

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
A	B	C	I	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		123.214.505.560	105.290.877.488	308.980.856.696	306.405.466.171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		123.214.505.560	105.290.877.488	308.980.856.696	306.405.466.171
4. Giá vốn hàng bán	11		85.113.343.263	65.178.386.701	192.280.744.455	191.402.937.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.101.162.297	40.112.490.787	116.700.112.241	115.002.528.192
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		1.968.779.008	1.528.464.149	5.657.897.020	4.894.515.884
8. Chi phí tài chính	23		241.843.338	147.979.153	625.948.252	516.749.809
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		241.843.338	147.979.153	625.948.252	280.189.597
9. Chi phí bán hàng	25		772.804.541	114.784.951	1.138.633.054	936.853.496
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.609.336.609	7.555.920.301	30.255.977.235	23.230.139.000
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên	27		1.951.350.953	1.968.845.095	5.874.206.811	5.489.215.187
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		32.397.307.770	35.791.115.626	96.211.657.531	100.702.516.958
13. Thu nhập khác	31		2.810.123.408	2.669.200.339	4.227.299.578	4.575.480.415
14. Chi phí khác	32		73.657.144	186.225	159.958.508	9.594.625
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.736.466.264	2.669.014.114	4.067.341.070	4.565.885.790
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 15)	50		35.133.774.034	38.460.129.740	100.278.998.601	105.268.402.748
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.700.092.481	7.321.744.811	19.446.990.325	20.405.041.074
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.433.681.553	31.138.384.929	80.832.008.276	84.863.361.674
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.522.435.771	28.668.384.834	76.719.956.080	80.080.490.866
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.911.245.782	2.470.000.095	4.112.052.196	4.782.870.808
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		780	843	2.256	2.355
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		780	843	2.256	2.355

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Thái Hậu



Nguyễn Viết Trường

Tp. HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2026



Lê Chí Đăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2026 đến 30/09/2026

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 30/9	
			Năm 2026	Năm 2025
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		100.278.998.601	105.268.402.748
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		12.617.732.111	20.937.789.207
- Các khoản dự phòng	3		2.021.079.037	1.354.082.025
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		-	236.560.212
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	5		(11.532.103.831)	(20.790.497.947)
- Chi phí đi vay	6		625.948.252	280.189.597
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		104.011.654.170	107.286.525.842
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(116.855.449.531)	(61.945.974.772)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.773.617.987)	(35.854.579.425)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.741.245.206	7.580.946.686
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.695.798.282)	(1.396.655.576)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(625.948.252)	(280.189.597)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.074.158.315)	(11.621.976.430)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.733.442.465	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.382.465.444)	(16.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41.921.095.970)	3.752.096.728
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(48.584.079.928)	(41.365.602.761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.511.111.111
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.800.000.000)	(100.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	175.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.321.969.767	14.727.027.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.062.110.161)	53.272.535.963

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 30/9	
			Năm 2026	Năm 2025
A	B	C	1	2
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.608.300.000	8.157.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.856.600.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.219.649.945)	(41.428.086.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.467.949.945)	(33.271.086.254)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(128.451.156.076)	23.753.546.437
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		209.837.771.364	99.462.233.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		81.386.615.288	123.215.780.117

Tp. HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2026

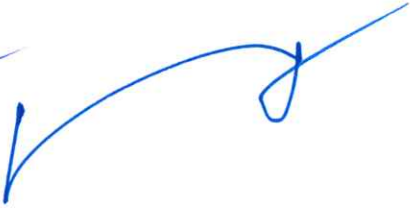
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thái Hậu



Nguyễn Viết Trường





Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê cảng biển, cho thuê thiết bị xếp dỡ, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái, có trụ sở chính tại 43 đường số N2, khu dân cư Mega Village, Khu phố 3, phường Long Trường, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Phù Lãng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 96 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong nhóm Công ty (Số đầu năm: 96 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không phải là tổ chức niêm yết, không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Nhóm Công ty chủ yếu là các công cụ, dụng cụ được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm phương tiện

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao. Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	647.223.416	472.676.407
Tiền gửi ngân hàng	54.791.971.872	54.217.674.957
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	25.947.420.000	155.147.420.000
Cộng	81.386.615.288	209.837.771.364

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	110.624.600.000	110.600.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.537.196.470	1.228.768.773
Cộng	112.161.796.470	111.828.768.773

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá 25.234.000.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	78.225.400.000	78.225.400.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	12.080.976.604	8.158.120.746
Cộng	90.306.376.604	86.383.520.746

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh	2.258.600.000	(1.637.309.606)	2.258.600.000	(1.637.309.606)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	204.541.145.029	65.980.236.708
Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	203.856.353.108	65.231.277.744
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	28.080.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	684.791.921	720.878.964

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Shipping	-	
Phải thu các khách hàng khác	30.295.110.457	11.782.461.950
Cộng	234.836.255.486	77.762.698.658

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	-	1.179.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	1.179.000.000
Trả trước cho người bán khác	13.127.855.416	3.015.169.298
Công ty TNHH TMDV Công nghệ Bắc Âu	2.270.102.840	2.247.916.000
Các nhà cung cấp khác	10.857.752.576	767.253.298
Cộng	13.127.855.416	4.194.169.298

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi hệ các bên liên quan	707.463.601	-	968.351.081	-
Cty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	657.688.500	-	898.887.081	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	49.775.101	-	69.464.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.651.944.078	(6.736.930.124)	9.841.271.628	(4.836.731.579)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Tạm ứng	2.039.686.983	-	1.774.452.574	-
Các khoản chi hệ	881.821.055	-	552.635.804	(11.811.925)
Ký quỹ, ký cược	284.750.000	-	84.750.000	-
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng (*)	6.736.930.124	(6.736.930.124)	6.736.930.124	(4.715.851.087)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	725.743.712	-	692.503.126	(109.068.567)
Cộng	11.375.986.303	(6.736.930.124)	10.809.622.709	(4.836.731.579)

(*) Phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng theo các quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và hợp đồng gửi giữ hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, theo đó Công ty phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng số tiền 6.736.930.124 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Do Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Bản án và các quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-CCTHADS ngày 8 tháng 5 năm 2023 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Nguyễn Hoàng Hải – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.736.930.124	(6.736.930.124)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	6.736.930.124	(4.715.851.087)
Các khách hàng khác	Trên 03 năm	1.435.799.769	(1.435.799.769)	Trên 03 năm	1.435.799.769	(1.435.799.769)
Cộng		8.172.729.893	(8.172.729.893)		8.172.729.893	(6.151.650.856)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.151.650.856	4.797.568.831
Trích lập dự phòng bổ sung	2.021.079.037	1.354.082.025
Số cuối năm	8.172.729.893	6.151.650.856

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	9.576.312.727	3.943.447.455
Nguyên liệu, vật liệu	140.752.715	
Cộng	9.717.065.442	3.943.447.455

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	626.044.029	512.950.423
Phí sử dụng đường bộ	64.130.709	295.030.170
Chi phí sửa chữa	154.291.312	276.369.300
Chi phí thuê	215.266.320	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.472.579	98.107.153
Cộng	1.142.204.949	1.182.457.046

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.891.979.764	2.094.616.676
Chi phí sửa chữa cầu	3.656.807.435	6.091.383.332
Chi phí sửa chữa hệ thống ray	4.577.091.527	7.745.847.194
Chi phí sửa chữa cầu tàu	8.285.647.193	1.368.055.443
Các chi phí trả trước dài hạn khác	34.656.988	410.229.883
Cộng	19.446.182.907	17.710.132.528

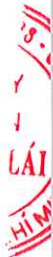
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	195.087.317.394	365.611.690.311	64.674.648.564	1.899.806.937	1.315.540.278	628.589.003.484
Mua trong năm		359.498.000	6.037.993.630	110.752.778		6.508.244.408
Thanh lý, nhượng bán			(4.439.057.000)			(4.439.057.000)
Số cuối năm	195.087.317.394	365.971.188.311	66.273.585.194	2.010.559.715	1.315.540.278	630.658.190.892
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	60.535.875.542	341.059.530.257	11.238.696.130	966.872.937	347.571.500	414.148.546.366
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	131.855.177.353	341.839.289.159	31.646.526.808	1.568.986.552	921.294.020	507.831.273.892
Khấu hao trong năm	4.258.459.160	2.926.030.860	3.957.306.033	164.509.455	122.940.540	11.429.246.048
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	-	-	(14.448.380.404)	-	-	(14.448.380.404)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	63.232.140.041	23.772.401.152	33.028.121.756	330.820.385	394.246.258	120.757.729.592
Số cuối năm	58.973.680.881	21.205.868.292	41.341.784.463	359.785.930	271.305.718	122.152.425.284
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 27.966.559.941 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	22.029.600.000	79.232.404.441	339.500.000	101.601.504.441
Số cuối năm	22.029.600.000	79.232.404.441	339.500.000	101.601.504.441
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	339.500.000	339.500.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	27.863.395.517	339.500.000	28.202.895.517
Khấu hao trong năm	-	1.188.486.063	-	1.188.486.063
Số cuối năm	-	29.051.881.580	339.500.000	29.391.381.580
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	22.029.600.000	51.369.008.924	-	73.398.608.924
Số cuối năm	22.029.600.000	50.576.684.882	-	72.210.122.861
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	684.932.737	1.331.407.407	-	-	2.016.340.144
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.362.594.311	25.129.802.403	-	(10.936.046.672)	23.556.350.042
Nâng cấp bãi sau nền cầu tàu	507.001.575	23.049.348.464	-	-	23.556.350.042
Sửa chữa, bảo trì hệ thống cọc cầu cảng số 7	-	-	-	-	-
Sửa chữa kè bờ và cầu cảng 2.200 DWT	8.855.592.736	2.080.453.936	-	(10.936.046.672)	-
Cộng	10.047.527.048	25.761.209.810	-	(10.936.046.672)	25.572.690.186

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	747.957.931	11.454.445.957
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	7.602.424	443.345.938
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	430.542.986	307.649.471
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	0	6.800.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	223.383.000	223.383.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc (Nay là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Shipping)	0	4.051.564.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	86.429.521	309.703.548
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	0	6.112.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	67.047.092.054	42.744.769.202
Công ty TNHH Heavy Transport Nguyên Lợi	4.254.976.000	9.756.600.000
Công ty TNHH Vận tải Cát Lái	12.126.003.900	6.545.085.090
Hộ kinh doanh Sơn Tuyền	4.154.279.700	8.276.173.220
Các nhà cung cấp khác	46.511.832.454	18.166.910.892
Cộng	67.795.049.985	54.199.215.159

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	- 1.028.228.789		18.184.041.110	(12.735.269.624)	5.119.932.942	(699.390.245)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.871.348.890	-	19.569.523.804	(13.074.158.315)	13.366.714.379	
Thuế thu nhập cá nhân	287.570.028	-	1.937.875.697	(1.820.880.464)	404.565.261	
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	- 258.319.584		876.564.455	(618.244.871)	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	243.728.000	(253.864.000)	-	10.136.00
Cộng	7.158.918.918	1.286.548.373	40.811.733.066	(28.502.417.274)	18.891.212.582	709.526.24

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho diện tích 59.796,2 m² tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh với mục đích đầu tư xây dựng cảng, với giá thuê cho năm 2025 là 14.400 VND/m².

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả chi phí vận chuyển bên liên quan	-	-
Công ty TNHH Vận Tải Cát Lái	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6.202.262.725	1.973.113.686
Chi phí lãi vay	-	16.044.077
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, nâng hạ	5.652.077.540	1.928.815.609
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	550.185.185	28.254.000
Cộng	6.202.262.725	1.973.113.686

15. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	870.254.645	306.291.781
Thù lao HĐQT, BKS	204.550.000	162.000.000
Các khoản thu hộ	87.622.466	56.343.516
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	-	16.621.516
Công ty Cổ phần Vận tải thủy Tân Cảng	-	22.810.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	-	16.912.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hưng Phước - Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	578.082.179	87.948.265
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.027.871.574	6.740.204.445
Kinh phí công đoàn	23.999.121	53.639.390
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.177.246	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.400.000	109.400.000
Cổ tức phải trả	-	-
Các khoản thu hộ	240.326.675	471.296.201
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	741.968.532	142.715.504
Cộng	1.898.126.219	1.083.342.876

15a. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hưng Phước	3.000.000.000	2.250.000.000
- Vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 220925/CIL-HPL ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái (Công ty con) với Công ty Dịch vụ Vận tải Hưng Phước, mục đích đầu tư kinh doanh khai thác tối thiểu 10 xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc. Trong đó, Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái là chủ đầu tư. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 18.000.000.000 VND, tỉ lệ vốn góp của mỗi bên là 50%, thời hạn hợp tác kinh doanh là 15 năm từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Hiện tại, mỗi bên đã góp 3.000.000.000 VND.

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	2.776.900.000	2.191.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 7 Sài Gòn	401.250.000	828.000.000
Cộng	3.178.150.000	3.019.400.000

Nhóm Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	5.168.950.000	7.398.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 7 Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	6.135.500.000	3.313.500.000
Cộng	11.304.450.000	10.711.500.000

Nhóm Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 10 năm 2024 để đầu tư các tài sản cố định là 5 xe đầu kéo, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất 6,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quận 7 Sài Gòn theo hợp đồng ngày 17 tháng 11 năm 2025 để đầu tư mới các phương tiện vận tải, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.797.722.155		3.571.909.333	(3.323.700.000)	1.433.571.147
Quỹ thưởng Ban điều hành	4.859.882		1.263.000.000	(1.263.000.000)	4.859.882
Cộng	2.802.582.037	-	4.834.909.333	(4.586.700.000)	3.050.791.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	100.583.614.486	19.290.481.248	623.620.815.655
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	98.662.910.729	4.356.392.059	103.019.302.788
Chia cổ tức	-	-	-	(90.780.000.000)	(1.600.000.000)	(92.380.000.000)
Trích lập các quỹ Công ty mẹ				(4.719.142.008)		(4.719.142.008)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(292.258.136)	-	(292.258.136)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước Công ty con	-	-	-	(169.371.429)	(142.628.571)	(312.000.000)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	103.285.753.644	21.904.244.734	628.936.718.299
Năm nay						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	103.285.753.644	21.904.244.734	628.936.718.299
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	76.719.956.080	4.112.052.196	80.832.008.276
Chia cổ tức	-	-	-	(88.876.000.000)	(2.720.000.000)	(91.596.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước Công ty mẹ	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Trích lập các quỹ Công ty mẹ				(2.183.060.341)		(2.183.060.341)
Phân phối quỹ tại Công ty con	-	-	1.189.839.581	(2.005.129.034)	(686.559.540)	(1.501.848.993)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	104.813.111.502	85.941.520.349	22.609.737.391	613.487.817.242

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	400.123.448.000	400.123.448.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	114.375.000.000	114.750.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	28.393.165.549	20.910.006.496
Doanh thu dịch vụ vận tải, vận chuyển	166.122.691.147	170.655.459.675
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu dịch vụ khác	90.000.000	90.000.000
Cộng	308.980.856.696	306.405.466.171

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	192.280.744.455	191.402.937.979
Cộng	192.280.744.455	191.402.937.979

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.657.897.020	4.894.515.884
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	5.657.897.020	4.894.515.884

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	625.948.252	280.189.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	236.560.212
Cộng	625.948.252	516.749.809

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	814.946.000	621.280.018
Các chi phí khác	323.687.054	315.573.478
Cộng	1.138.633.054	936.853.496

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.882.950.172	11.169.516.069
Chi phí vật liệu quản lý	215.662.474	113.795.690
Chi phí đồ dùng văn phòng	320.618.096	294.151.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.121.740.114	1.390.586.703

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế, phí và lệ phí	5.624.424	21.499.175
Dự phòng phải thu khó đòi	2.021.079.037	1.354.082.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.457.709.468	2.765.018.294
Các chi phí khác	8.230.593.450	6.121.489.113
Cộng	30.255.977.235	23.230.139.000

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.123.202.423	4.575.480.415
Tiền bán phế liệu, vật tư đã qua sử dụng	-	-
Thu nhập khác	104.097.155	-
Cộng	4.227.299.578	4.575.480.415

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các chi phí khác	159.958.508	9.594.625
Cộng	159.958.508	9.594.625

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	76.719.956.080	80.080.490.866
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ		
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty mẹ		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	76.719.956.080	80.080.490.866
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.256	2.355

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thái Hậu

Nguyễn Việt Trường

Lê Chí Đăng